HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) ĐINH (Middle) CHI (First)

Current Address: 127A Ng Đình Chính Phú Nhuận TP. HCM.

Date of Birth: 01/04/46 Place of Birth: Saigon.

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Sgt 1t

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07/15/75 To 12/18/83
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Cau hoi cho nguoi nop don

A.- Basic identification Data
Ly lich can ban

1. Name — NGUYỄN ĐÌNH CHI
   Ho, ten

2. Other names
   Ho va ten khac

3. Date/Place of birth — 04 January 1946 SAIGON
   Ngay va noi sanh

4. Residence address — 127 A NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH
   Dia chi thuong tru — QUẬN PHÚ NHUẬN
   HỒ CHÍ MINH CITY

5. Mailing address — NGÔ VAN ĐỀU
   Dia chi thu tu — SKELAGERVEJ 75, 1 MF
   9000 AALBORG
   DENMARK

6. Current occupation — Law student
   Nghe nghiep

B.- Relatives to accompany Me
Ba con cung di voi toi

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status(MS) as follows: Married(M), Divorced(D), Widowed(W) or Single(S).

(Chu y: Vo/chong va cac con co the cung di voi ban ma thoi. Ke khai tinh trang nhu sau: Lap gia dinh(M), Da ly di(D), Goa phu, Goa the(W), hoac doc than(S).

	Name Ho va ten	Date of birth Ngay thg nam sanh	Place of birth Noi sanh	Sex Phai	Marital status Tinh trg gia dinh	Relationship Lien he gia dinh
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						
7.						

C.- Relatives outside Viet-Nam
Ba con o Ngoai Quoc

1. Closest relatives in the U.S
Ba con than thuoc nhat o Hoa Ky

a. Name
Ho, ten

b. Relationship
Lien he gia dinh

c. Address
Dia chi

2. Closest relatives in other foreign countries
Ba con than thuoc nhat o nuoc khac

a. Name — NGÔ VĂN ĐỀU
Ho, ten

b. Relationship — uncle
Lien he gia dinh

c. Address — SKELAGERVEJ 75, 1 MF
Dia chi — 9000 AALBORG
DENMARK

D.- Complete family listing(living/dead)
Danh sach toan gia dinh(song/chet)

1. Father — NGUYỄN VAN LÂN — Dead
Cha

2. Mother — NGÔ THỊ NHÀNH — Dead
Me

3. Former spouse(if any) — NONE
Vo chong truoc(neu co)

4. Spouse — NONE
Vo/chong

5. Children — NONE
Con cai

6. Siblings — NGUYỄN VÂN LANG
Anh chi em ruot — 127 A NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH
QUẬN PHÚ NHUẬN
HỒ CHÍ MINH CITY

E.- Employment by US Goverment Agencies or Other Organization of you or your spouse. Ban hoac vo/chong da lam cho cong so cua chinh phu My hoac hang My.

1. Name of person employed
   Ho, ten nhan vien

2. Date — From: — To:
   Ngay, thang, nam — Tu — Toi

3. Title of(last) Position Held
   Chuc vu, cong viec

4. Agancy/Company/Office
   So/Hang/Van Phong

5. Name of(last) Supervisor
   Ho ten Giam Thi

6. Reason for leaving
   Ly do ra di

F.- Service with GVN or RVNAF by you or your spouse
Ban hoac vo chong da cong vu voi Chinh Phu Viet-Nam

1. Name of person serving — NGUYỄN ĐÌNH CHI
   Ho, ten nguoi tham gia

2. Date — From: 07 March 1969 — To: 15 October 1973
   Ngay, thang, nam — Tu — Toi

3. Last rank — Second lieutenant - Artillery platoon leader
   Cap bac cuoi cung

4. Ministry/Office/Military Unit — 223 Artillery Battalion
   Bo/So/Don vi/Binh chung

5. Reason for leaving — Taken prison after loss TÂN CẢNH. Discharged after return from VC prison in 15 October 1973 for health reasons
   Ly do ra di

6. Name of Supervisor
   Ho, ten nguoi Giam thi hoac Si Quan chi huy

   NGUYỄN VAN SANH — MAJOR

7. Name of American Advisor(s)
   Ho, ten Co Van My

8. U.S training courses in VN
   Chuong trinh huan luyen Hoa Ky tai VN

9. U.S Awards or certificates
   Giay ban khen hoac chung thu do Hoa Ky cap

(Note: Please attach any copies of Diplomas, Awards or Certificates)
(Chu y: Xin kem theo bat cu Van Bang, Giay ban khen, Chung thu)

Available? — Yes: yes — No:
Co, khong? — Co — Khong

At a time when I was scared I burnt all my awards and certificates.

G.- Training outside VN of you or your spouse.
Ban hoac vo/chong da huan luyen tai Ngoai Quoc

1. Name of student trained
Ho, ten sinh vien duoc huan luyen

2. School and school address
Truong va dia chi nha truong

3. Date — From: — To:
Ngay, thang, nam — Tu — Toi

4. Description of courses
Mo ta nganh hoc

5. Who paid for training?
Ai dai tho chuong trinh huan luyen?

H.- Reeducation of you or your spouse.
Ban hoac vo/chong da hoc tap cai tao

1. Name of person in reeducation — NGUYỄN ĐÌNH CHI
Ho, ten nguoi di hoc tap cai tao

2. Total time in reeducation — Years 10 — months 05 — days 21
Tong cong thoi gian HTCT — Nam — thang — ngay

3. Still in reeducation? — Yes: — No: NO
Van con hoc tap cai tao? — Co — Khong

(If released, we must have a copy of your release certificate)
(Neu duoc tha chung toi can mot ban sao giay ra trai)

I.- Any additional remarks?
Cuoc chu phu thuoc?

I was active in operation in TÂN CẢNH which was lost 24.04.1972 and I was captured that day. I was exchanged with a VC prisoner 25.03.1973 after the Paris convention. Although I was discharged, I was forced by the local police to a concentration camp from 15.7.1975 to 18.12.1983; I escaped from the concentration camp but was caught again 27.10.1984 to 15.11.1986. Up to present I have been in a communistic prison 3 times, how many more? I live now under threat and pressure. Please, help me to get away from this communistic terror.

Signature / Ky ten — Date 29.05.1989 / Ngay

J.- Please list here all documents attached to this questionnaire.
Xin neu ra tat ca giay to kem theo voi so cau hoi nay

I enclose:

01 Certificate of release copy
01 Personal data copy
01 Birth certificate copy
01 Release certificate from military service copy.

PHÒNG PC 24
T. 1079 K2
Số: 103 /CNRT

Độc lập — Tự do — Hạnh Phúc

Giấy chứng nhận ra trường

— Căn cứ vào quyết định số 323/QĐ ngày 14 tháng 12 năm 1979 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh.

— Căn cứ vào quyết định cho ra trường GDLĐ số 102 /QĐ ngày 7 tháng 10 năm 1986 của Giám đốc Công an TP. Hồ Chí Minh.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG GIÁO DỤC LAO ĐỘNG 1079

Cấp giấy chứng nhận ra trường cho Anh, Chị có tên sau:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH CHI Sinh năm: 1946

Sinh quán: Sài Gòn

Trú quán: 127 Minh Mạng F15 Phú Nhuận

Bị bắt ngày: 27.10.84 Án tội: Trốn trại Cr, cư ngụ BHP

Thời gian CBLĐ: 24 Theo QĐ số: 6 ngày 27 tháng 10 năm 1984

Của: UBND quận Phú Nhuận

Nay cho về cư ngụ tại: 127 Minh Mạng F15 Phú Nhuận

NHẬN XÉT THÁI ĐỘ HỌC TẬP Ở TRƯỜNG

Tư tưởng: Có chuyển biến

Lao động: Tham gia đều

Học tập: Tiếp thu được

Chấp hành nội quy: Chưa sai phạm

Khi về địa phương Anh, Chị NGUYỄN ĐÌNH CHI

Trình diện chính quyền địa phương để quản lý giáo dục.

— Chữ ký và lăn tay của người được cấp giấy chứng nhận ra trường.

Ngày 7 tháng 11 năm 198

HIỆU TRƯỞNG

TRUNG TÁ

NGUYỄN ĐÌNH CHI

V.T.13-11 5D

PHÒNG TUYỂN MINH

NHÀ THỦ BỊ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC - PHÒNG

TỔNG NHÀ NHÂN LỰC

BẢN DANH TƯỚNG VÀ QUÂN - VỤ

CỦA cuu Thieu-Uy NGUYEN-DINH-CHI *số quân* 66/153.732

Thành lập theo (quân bạ, lý-lịch bạ hay phiếu danh-bộ) do ..... *yêu cầu.*

HỘ - TỊCH	NHẬN - DẠNG
Sinh ngày 4-1-1946 tại Saigon	Tóc
Quận	Mắt
Tỉnh	Trán
Nghề-nghiệp	Mũi
Con của Ông NGUYEN VAN LAN	Khuôn mặt
và Bà NGO THI NHANH	
Ngụ tại 53 ben Chuong-duong SG	
Quận	Cao : 1 thước
Tỉnh	
Kết hôn ngày ..... với cô	
Ngụ tại	Dấu tích đặc biệt:
Quận ..... Tỉnh	
Giấy phép kết hôn của	

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN - VỤ LIÊN TIẾP

-Thanh nien thuoc hang tuoi 1966 duoc goi nhap ngu khoa 3/69 SQTB.Den trinh dien tai Saigon ngay 7-3-69. Quan vu k/t ngay ay. Khoa sinh DBSQ khoa 3/69 den thu huan tai TTHL.Q.Trung ngay 3-3-69. Tot nghiep giai doan 1 CBQS th/o di truong BB k/t 8.6-69 do LTC so 264/PNV ngay 29-5-69. Den truong BB ngay 26-6-69 de hoc khoa 3/69 SQTB.Duoc huong luong Trung si k/t 16-6-69 do QD so 5512/TBB ngay 24-6-69. Trung tuyen ky thi man khoa th/o di truong Phao binh k/t 29-11-69 do LTC so 10532/TBB ngay 3-12-69. Den truong PB ngay 22-12-69 de hoc khoa 3/69 CB.SQ.PB. Man khoa th/o di TD 223/PB k/t 20-5-70 do LTC so 3442 ngay 27-5-70. Duoc giu SQ.Tien sat CBQS 212.0.

-Thang Chuan uy/TB k/t 29-11-69 do ND so 012/TTM/ND ngay 7-1-70.

-Thang Thieu uy/TB k/t 29-5-71 do ND so 470/TTM/ND ngay 8-6-71.

-Duoc giu chuc Tr.D.Truong TR.D.3A/223 PB k/t 20-3-72 do ML so 1223 ngay 25-3-72.

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-bị sau đây:
Fréjas Phủ-Lại, Tông, Huế, Võ-Bị Liên-Quân Đà-Lạt, Sĩ-Quan Trừ-Bị Thủ-Đức, Võ-Bị Địa-Phương hay hạ-sĩ-quan được thăng cấp.

QUÂN-VỤ LIÊN TIẾP (tiếp theo)

-Duong su tham du hanh quan BBV/22/TP tai Tan canh bi mat tich ngay 24-4-72. 24-5-72 th/c di TTQT.TU (TS) do LTC so 1058/PB ngay 29-5-72 Th/c di DV I QT (TS) do LTC so 16863/TTQTTU ngay 4-5-73. Th/c di DV2 QT (TS) k/t 4-4-73 do LTC so 3720/DVIQT ngay 3-4-73.
-Quan nhan mat tich duoc trao tra tap the theo hiep dinh ngung ban. Duoc tiep tuc phuc vu trong QLVMCH k/t 25-3-73 do QD so 8469/TTM ngay 11-6-73 cua BTTM. Quan vu khong bi gian doan trong suot thoi-gian bi dich bat giu den ngay duoc trao tra.
-Duoc giai ngu theo don xin k/t 15-10-73 do ND so 506/TTM/ND ngay 28-6-73. Khai ve so 2 Ho-bieu-Chanh, Phu-nhuan, Gia-dinh.

- - -

CHIẾN - DỊCH	TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG
từ ngày ..... *đến ngày* ..... *từ ngày* ..... *đến ngày* ..... *từ ngày* ..... *đến ngày*	-1 lan truoc Su-doan
	THƯƠNG TÍCH
	HUY - CHƯƠNG
	-ADBT(Sao Bao) QD so 214 ngay 8-9-71

Làm tại KBC.3567 ngày 19-11-1974

~~XXXXXXXXXXXXXXXXXX~~
~~Chuẩn Phong Tuyên Dương~~
Thiếu-Tá LÊ-BÁ-DÌNH
Chủ-Sự Phòng Quân-Trị

KHAN :

TL. Thiếu Tướng BÙI-ĐÌNH-ĐẠM
Tổng Giám-Đốc Tổng Nha Nhân-Lực
Đại Tá TRẦN-NGỌC-THỐNG
Trưởng Nha Tổng Quản Trị

CỤC NHÂN LỰC

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Bản số: 83

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (1946)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn dình Chi
Phái	masculin
Ngày sanh	Le quatre Janvier mil neuf cent quarante six à 4 h
Nơi sanh	Saigon, 163 rue Lefèbvre
Tên, họ người Cha	Nguyễn văn Lân
Nghề-nghiệp	comptable
Nơi cư-ngụ	Saigon, 165 quai de Belgique
Tên, họ người Mẹ	Ngô thị Nhình
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 165 quai de Belgique
Vợ chánh hay thứ	———

B/6

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày ..... tháng ..... năm 1974

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

1974

ĐÔ-THÀNH SAIGON 5$00 NIÊM-THUẾ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
PHÒNG TỔNG QUÂN-TRI
ĐƠN-VỊ 2 QUÂN-TRI

Số : B 3229 /ĐV2QT/NVI

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

Trung-Tá NGUYỄN-SẬM, Chỉ-Huy-Trưởng Đơn-Vị 2 Quân-Trị

CHỨNG NHẬN

NGUYỄN - ĐÌNH - CHI Cấp bậc Thiếu-Úy Số quân 66/153.732

Sanh ngày 1946 tại SAI-GON

Con Ông NGUYỄN-VAN-LAN (S,C) và Bà NGÔ-THI-NHANH (S,C)

Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 07 tháng 03 năm 1969

Được giải-ngũ ngày 15 tháng 10 năm 1973

Do NĐ hay QĐ số : 506/TTM/ND ngày 28 tháng 06 năm 1973

Của : (Cơ-quan, Đơn-vị) Bộ Tổng Tham-Mưu

Thâm niên quân-vụ : 04 năm 07 tháng 08 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ : QUÂN-NHÂN BCS TRAO-TRA GIAI-NGU THEO ĐƠN XIN

Địa-chỉ khai về cư-ngụ : SỐ 2 HỒ BIỂU-CHANH, PHU-NHUẬN, GIA-ĐINH ./-

Chữ ký đương-sự

Ký số 4168, ngày 1 Th.7. 1973

ĐƠN-VỊ 2 QUÂN-TRI

MẪU QĐ 14-A (Thay thế mẫu QĐ 14 ngày 25.10.64)
01.02.72

8.72. TTALAP. O. 280

№ 217691

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Cau hoi cho nguoi nop don

A.- Basic identification Data
Ly lich can ban

1. Name — NGUYỄN ĐÌNH CHI
   Ho, ten

2. Other names
   Ho va ten khac

3. Date/Place of birth — 04. 01. 1946 SAIGON
   Ngay va noi sanh

4. Residence address — 127A NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH
   Dia chi thuong tru — QUẬN PHÚ NHUẬN
   HỒ CHÍ MINH CITY

5. Mailing address — NGÔ VAN ĐỀU uncle
   Dia chi thu tu — SKELAGERVEJ 75, 1 mf
   9000 AALBORG
   DANMARK

6. Current occupation — Law-student
   Nghe nghiep

B.- Relatives to accompany Me
Ba con cung di voi toi

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligibl to accompany you. List marital status(MS) as follows: Married(M), Divorced(D), Widowed(W) or Single(S).

(Chu y: Vo/chong va cac con co the cung di voi ban ma thoi. Ke khai tinh trang nhu sau: Lap gia dinh(M), Da ly di(D), Goa phu, Goa the(W), hoac doc than(S).

	Name Ho va ten	Date of birth Ngay thg nam sanh	Place of birth Noi sanh	Sex Phai	Marital status Tinh trg gia dinh	Relationship Lien he gia dinh
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						
7.						

C.- Relatives outside Viet-Nam
Ba con o Ngoai Quoc

1. Closest relatives in the U.S
Ba con than thuoc nhat o Hoa Ky

a. Name
Ho, ten

b. Relationship
Lien he gia dinh

c. Address
Dia chi

2. Closest relatives in other foreign countries
Ba con than thuoc nhat o nuoc khac

a. Name — NGÔ VĂN ĐỀU
Ho, ten

b. Relationship — uncle
Lien he gia dinh

c. Address — NGÔ VAN ĐỀU
Dia chi
SKELAGERVEJ 75, 1 MF
9000 AALBORG
DANMARK

D.- Complete family listing(living/dead)
Danh sach toan gia dinh(song/chet)

1. Father — NGUYỄN VĂN LÂN — dead
Cha

2. Mother — NGÔ THỊ NHÀNH — dead
Me

3. Former spouse(if any) — NONE
Vo chong truoc(neu co)

4. Spouse — NONE
Vo/chong

5. Children — NONE
Con cai

6. Siblings — NGUYỄN VÂN LANG
Anh chi em ruot
127A NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH
QUẬN PHÚ NHUẬN
HỒ CHÍ MINH CITY

E.- Employment by US Goverment Agencies or Other Organization of you or your spouse. Ban hoac vo/chong da lam cho cong so cua chinh phu My hoac hang My.

1. Name of person employed
   Ho, ten nhan vien

2. Date — From: — To:
   Ngay, thang, nam — Tu — Toi

3. Title of(last) Position Held
   Chuc vu, cong viec

4. Agancy/Company/Office
   So/Hang/Van Phong

5. Name of(last) Supervisor
   Ho ten Giam Thi

6. Reason for leaving
   Ly do ra di

F.- Service with GVN or RVNAF by you or your spouse
Ban hoac vo chong da cong vu voi Chinh Phu Viet-Nam

1. Name of person serving NGUYỄN ĐÌNH CHI
   Ho, ten nguoi tham gia

2. Date — From: 07. 3. 1969 — To: 15. 10. 1973
   Ngay, thang, nam — Tu — Toi

3. Last rank Second lieutenant - Artillery platoon leader
   Cap bac cuoi cung

4. Ministry/Office/Military Unit 223 Artillery Battalion
   Bo/So/Don vi/Binh chung

5. Reason for leaving Taken prison after loss Tân Cảnh. Discharged after return from VC prison in 15.10.75 for health reasons.
   Ly do ra di

6. Name of Supervisor NGUYỄN VAN SANH Major
   Ho, ten nguoi Giam thi hoac Si Quan chi huy

7. Name of American Advisor(s)
   Ho, ten Co Van My

8. U.S training courses in VN
   Chuong trinh huan luyen Hoa Ky tai VN

9. U.S Awards or certificates
   Giay ban khen hoac chung thu do Hoa Ky cap

(Note: Please attach any copies of Diplomas, Awards or Certificates)
(Chu y: Xin kem theo bat cu Van Bang, Giay ban khen, Chung thu)

Available? — Yes: yes — No:
Co, khong? — Co — Khong

At a time when I was scared I burnt all my award and certificates

G.- Training outside VN of you or your spouse.
Ban hoac vo/chong da huan luyen tai Ngoai Quoc

1. Name of student trained
Ho, ten sinh vien duoc huan luyen

2. School and school address
Truong va dia chi nha truong

3. Date — From: — To:
Ngay, thang, nam — Tu — Toi

4. Description of courses
Mo ta nganh hoc

5. Who paid for training?
Ai dai tho chuong trinh huan luyen?

H.- Reeducation of you or your spouse.
Ban hoac vo/chong da hoc tap cai tao

1. Name of person in reeducation
Ho, ten nguoi di hoc tap cai tao

2. Total time in reeducation — Years 10 — months 05 — days 21
Tong cong thoi gian HTCT — Nam — thang — ngay

3. Still in reeducation? — Yes: — No: NO
Van con hoc tap cai tao? — Co — Khong

(If released, we must have a copy of your release certificate)
(Neu duoc tha chung toi can mot ban sao giay ra trai)

I.- Any additional remarks?
Cuoc chu phu thuoc?

I was active in operation in TÂN CẢNH which was lost 24.04.72 and I was captured that day. I was exchanged with a VC prisoner 25.03.1973 after the Paris convention. Although I was discharged, I was forced by the local police to a concentration camp from 15.07.1975 to 18.12.1983. I escaped from the concentration camps but was caught again 27.10.1984 to 15.11.1986. Up to present I have been in a communistic prison 3 times, how many more? I live now under threat and pressure.
Please help me to get away from this communistic terror.

Signature / Ky ten — Date / Ngay 29.05.1989

J.- Please list here all documents attached to this questionnaire.
Xin neu ra tat ca giay to kem theo voi so cau hoi nay

I enclose:
01 certificate of release copy
01 Personal data copy
01 Birth certificate copy
01 Release certificate from military service copy.

PHÒNG PC 24
T. 1079 K2
Số: 103 /CNRT

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Giấy chứng nhận ra trường

— Căn cứ vào quyết định số 328/QĐ ngày 14 tháng 12 năm 1979 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh.

— Căn cứ vào quyết định cho ra trường GDLĐ số 102 /QĐ ngày 7 tháng 10 năm 1986 của Giám đốc Công an TP. Hồ Chí Minh.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG GIÁO DỤC LAO ĐỘNG 1079

Cấp giấy chứng nhận ra trường cho Anh, Chị có tên sau:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH CHI Sinh năm: 1946

Sinh quán: Sài Gòn

Trú quán: 127 Minh Mạng F15 Phú Nhuận

Bị bắt ngày: 27.10.84 Can tội: Trốn trại Cr, cư ngụ BHP

Thời gian CBLĐ: 24 Theo QĐ số: 6 ngày 27 tháng 10 năm 1984

Của: UBND quận Phú Nhuận

Nay cho về cư ngụ tại: 127 Minh Mạng F15 Phú Nhuận

NHẬN XÉT THÁI ĐỘ HỌC TẬP Ở TRƯỜNG

Tư tưởng: Có chuyển biến

Lao động: Tham gia đều

Học tập: Tiếp thu được

Chấp hành nội quy: Chưa sai phạm

Khi về địa phương Anh, Chị NGUYỄN ĐÌNH CHI

Trình diện chính quyền địa phương để quản lý giáo dục.

— Chữ ký và lăn tay của người được cấp giấy chứng nhận ra trường.

Ngày 7 tháng 1 năm 198

HIỆU TRƯỞNG

TRUNG TÁ

V.T.13-11 56

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

TỔNG NHA NHÂN LỰC

PHÒNG TUYỂN-MỘ

NHA THỨ BỊ

BẢN DANH TƯỚNG VÀ QUÂN-VỤ

CỦA cựu Thiếu-Úy NGUYỄN-ĐÌNH-CHI *số quân* 66/153.732

Thành lập theo (quân bạ, lý-lịch bạ hay phiếu danh-bộ) do ..... *yêu cầu.*

HỘ-TỊCH	NHÂN-DẠNG
Sinh ngày 4-1-1946 tại Saigon	Tóc
Quận	Mắt
Tỉnh	Trán
Nghề-nghiệp	Mũi
Con của Ông NGUYỄN VĂN LAN	Khuôn mặt
và Bà NGÔ THỊ NHANH	
Ngụ tại 53 ben Chương-dương SG	
Quận	Cao: 1 thước
Tỉnh	
Kết hôn ngày ..... với cô	
Ngụ tại	Dấu tích đặc biệt:
Quận ..... Tỉnh	
Giấy phép kết hôn của	

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN-VỤ LIÊN TIẾP

-Thanh nien thuoc hang tuoi 1966 duoc goi nhap ngu khoa 3/69 SQTB.Den trinh dien tai Saigon ngay 7-3-69. Quan vu k/t ngay ay. Khoa sinh DBSQ khoa 3/69 den thu huan tai TTHL.Q.Trung ngay 3-3-69. Tot nghiep giai doan 1 CB.B th/o di truong BB k/t 8.6-69 do LTC so 264/PNV ngay 29-5-69. Den truong BB ngay 26-6-69 de hoc khoa 3/69 SQTB.Duoc huong luong Trung si k/t 16-6-69 do QD so 5512/TBB ngay 24-6-69. Trung tuyen ky thi man khoa th/o di truong Phao binh k/t 29-11-69 do LTC so 10532/TBB ngay 3-12-69. Den truong PB ngay 22-12-69 de hoc khoa 3/69 CB.SQ.PB. Man khoa th/o di TD 223/PB k/t 20-5-70 do LTC so 3442 ngay 27-5-70. Duoc giu SQ.Tien sat CNQS 212.0.
-Thang Chuan uy/TB k/t 29-11-69 do ND so 012/TTM/ND ngay 7-1-70.
-Thang Thieu uy/TB k/t 29-5-71 do ND so 470/TTM/ND ngay 8-6-71.
-Duoc giu chuc TR.D.Truong TR.D.3A/223 PB k/t 20-3-72 do ML so 1223 ngay 25-3-72.

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-bị sau đây:
Fréjas Phả-Lại, Tòng, Huế, Võ-Bị Liên-Quân Đà-Lạt, Sĩ-Quan Trừ-Bị Thủ-Đức, Võ-Bị Địa-Phương hay hạ-sĩ-quan được thăng cấp.

QUÂN-VỤ LIÊN TIẾP (tiếp theo)

-Duong su tham du hanh quan BBV/22/TP tai Tan canh bi mat tich ngay 24-4-72. 24-5-72 th/c di TTQT.TU (TS) do LTC so 1058/PB ngay 29-5-72 Th/c di DV I QT (TS) do LTC so 16863/TTQTTU ngay 4-5-73. Th/c di DV2 QT (TS) k/t 4-4-73 do LTC so 3720/DVIQT ngay 3-4-73.
-Quan nhan mat tich duoc trao tra tap the theo hiep dinh ngung ban. Duoc tiep tuc phuc vu trong QLVNCH k/t 25-3-73 do QD so 8469/TTM ngay 11-6-73 cua BTTM. Quan vu khong bi gian doan trong suot thoi-gian bi dich bat giu den ngay duoc trao tra.
-Duoc giai ngu theo don xin k/t 15-10-73 do ND so 506/TTM/ND ngay 28-6-73. Khai ve so 2 Ho-bieu-Chanh, Phu-nhuan, Gia-dinh.

- - -

QUẢN-VỤ LIÊN TIẾP (tiếp theo)

CHIẾN - DỊCH	TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG
từ ngày ..... *đến ngày*	-1 lan truoc su-doan
từ ngày ..... *đến ngày*	
từ ngày ..... *đến ngày*	
	THƯƠNG TÍCH
	HUY - CHƯƠNG
	-ADBT(Sao Bao) QD so 214 ngay 8-3-71

Làm tại KBC.3567 ngày 19-11-1974

~~XXXXXXXXXXXXXXXXXX~~
~~Chuẩn-Úy Phong Tuyên-Binh~~
Thiếu-Tá LÊ-BÁ-DINH
Chủ-Sự Phong Quan-Trí

KHAN :

TL. Thiếu-Tướng ÙI-ĐÌNH-ĐẠM
Tổng Giám-Đốc Tổng-Nha Nhân-Lực
Đại-Tá TRẦN-NGỌC-THỐNG
Phó Tổng Giám-Đốc Tổng-Nha Nhân-Lực

CỘNG HÒA VIỆT-NAM
TỔNG NHA NHÂN LỰC

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Bản số: 63

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (1946)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn đình Chi
Phái	masculin
Ngày sanh	Le quatre Janvier mil neuf cent quarante six à [illegible]
Nơi sanh	Saigon, 163 rue Lefèbvre
Tên, họ người Cha	Nguyễn văn Lân
Nghề-nghiệp	comptable
Nơi cư-ngụ	Saigon, 165 quai de Belgique
Tên, họ người Mẹ	Ngô thị Nhình
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, 165 quai de Belgique
Vợ chánh hay thứ	———

B/6

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày ..... tháng ..... năm 1974

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

1974

ĐÔ-THÀNH SAIGON 5$00 NIÊM-THUẾ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
PHÒNG TỔNG QUÂN-TRI
ĐƠN-VỊ 2 QUÂN-TRI

Số : B 3229 /ĐV2QT/NVI

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

Trung-Tá NGUYỄN-SẬM, Chỉ-Huy-Trưởng Đơn-Vị 2 Quân-Trị

CHỨNG NHẬN

NGUYỄN - ĐÌNH - CHI Cấp bậc Thiếu-Úy Số quân 66/153.732

Sanh ngày 1946 tại SAI-GON

Con Ông NGUYỄN-VAN-LAN (S,C) và Bà NGÔ-THI-NHANH (S,C)

Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 07 tháng 03 năm 1969

Được giải-ngũ ngày 15 tháng 10 năm 1973

Do NĐ hay QĐ số : 506/TTM/ND ngày 28 tháng 06 năm 1973

Của : (Cơ-quan, Đơn-vị) Bộ Tổng Tham-Mưu

Thâm niên quân-vụ : 04 năm 07 tháng 08 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ : QUÂN-NHÂN BCS TRAO-TRA GIAI-NGU THEO ĐƠN XIN.

Địa-chỉ khai về cư-ngụ : SỐ 2 HỒ BIỂU-CHANH, PHU-NHUẬN, GIA-ĐINH ./-

Chữ ký đương-sự

Kiểm-Lục 4166, ngày 1 Th.7. 1973

ĐƠN-VỊ 2 QUÂN-TRI

TỔNG-THAM-MƯU/PTQ

MẪU QĐ 14-A (Thay thế mẫu QĐ 14 ngày 25.10.64)
01.02.72

8.72. TTA-AP. O. 280

№ 217691

Kính thưa bà,

Aalborg, 01.08.89

Xin chuyển tiếp đến bà 2 hồ sơ của đứa cháu ruột và kính xin bà giúp đỡ cho nó.

Thành thật cảm ơn bà

Ngô văn Đều

Tôi xin kèm theo đây 2 tem.

HOI GIA DINH TU NHAN CHANH TRI VIET-NAM
P.O Box 5435- ARLINGTON
VA. 22205-0635

Ngo van Deu
Skelagervej 75, lmf
9000 Aalborg
DANMARK

C O N T A C T

___ Card
X Doc. Request; Form 08/08/89
___ [illegible]
___ [illegible]
___ Form [illegible]
___ ODP Data _____
___ Membership; Letter